

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THÁI THỤY  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

---

Bản án số: 50/2018/HNGĐ- ST  
Ngày 31-07-2018  
V/v Ly hôn giữa chị N1 và anh  
T1.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

**-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Tòng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Bá Đăng;
2. Bà Phạm Hồng Thiêm.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Diệu Thúy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thanh Hải– Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 07 năm 2018, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 47/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2018 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/06/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13/7/2018 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Trần Thị N1, sinh năm 1997; Địa chỉ: Xóm Đ1, thôn Đ2, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt- có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*2. Bị đơn:* Anh Hoàng Văn T1, sinh năm 1987, Địa chỉ: Thôn P, xã T4, huyện T3, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt- lần thứ hai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 07/02/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Trần Thị N1 trình bày: Chị và bị đơn là anh Hoàng Văn T1 tự nguyện đăng ký kết hôn; được Ủy ban nhân dân xã T4 cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 35 ngày 19/12/2016. Tháng 06/2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp. Do vợ chồng mâu thuẫn nên từ tháng 11/2017, chị đã đưa con nhỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đ2, xã T2 làm ăn và sinh sống. Từ đó, vợ chồng không sống chung với nhau, không còn thương yêu nhau,

không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Nay chị có nguyện vọng ly hôn anh T1. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Bảo Anh T5, sinh ngày 29/4/2017; chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung; do anh T1g vắng mặt nên chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung; không có ai nợ chung vợ chồng nên chị không yêu cầu giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh T1 nhưng anh không đến Tòa án làm việc. Bà Phạm Thị N2 là mẹ đẻ anh T1 trình bày: Do anh T1 làm ăn ở xa nên bà đã nhận thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án gửi anh T1 nhưng anh không đến Tòa án làm việc được. Bà cho biết anh T1 thống nhất với ý kiến trình bày của chị N1 về việc kết hôn, về mâu thuẫn vợ chồng, về con chung; về việc vợ chồng không có tài sản; anh đồng ý ly hôn chị N1; đề nghị giải quyết việc nuôi con theo quy định của pháp luật; không yêu cầu giải quyết tài sản chung.

Do anh T1 vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được, phải đưa ra xét xử.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đúng quy định của pháp luật. Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị N1 ly hôn anh T1. Về con chung: Giao con chung Hoàng Bảo Anh T5, sinh ngày 29/4/2017 cho chị N1 trực tiếp nuôi dưỡng; chị N1 không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung: Chị N1 không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Chị N1 phải nộp án phí ly hôn theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]. Về tố tụng:** Bị đơn được triệu tập hợp lệ, đã được giao các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa làm việc, không có văn bản ghi ý kiến gửi về Tòa án, không thông báo địa chỉ mới cho nguyên đơn, cho Tòa án. Như vậy, xác định bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Do bị đơn vắng mặt, nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải theo quy định tại Khoản 1; Khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự được. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[2]. Về quan hệ hôn nhân:** Việc kết hôn giữa chị N1 và anh T1 là tự nguyện và hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng vợ chồng không có biện pháp hòa giải nên mâu thuẫn trở nên trầm trọng; hiện nay, vợ chồng không sống chung với nhau, không còn thương yêu, không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Như vậy, có căn cứ xác định vợ chồng chị N1-

anh T1 đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị N1 ly hôn anh T1.

**[3].Về con chung:** Do anh T1 vắng mặt, chị N1 có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nên cần áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cho chị N1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung; không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh T1.

**[4].Về tài sản chung:** Nguyên đơn không yêu cầu, không đặt ra giải quyết.

**[5].Về án phí:** Nguyên đơn phải chịu 300.000,đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 228; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a Khoản 1 Điều 24; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Trần Thị N1 ly hôn anh Hoàng Văn T1.

**2. Về con chung:** -Xử giao con chung Hoàng Bảo Anh T5 sinh ngày 29 tháng 4 năm 2017 cho chị N1 trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

-Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**3. Về tài sản chung:** Nguyên đơn không yêu cầu, không đặt ra giải quyết.

**4. Về án phí:** Chị N1 phải nộp toàn bộ 300.000,đồng án phí ly hôn; được trừ vào số tiền 300.000,đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001340 ngày 28/02/2018 của Chi cục Thi hành án huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Chị N1 đã nộp đủ án phí.

**5.Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Trần Văn Tông**